

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**
Số: 08/2017/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 21 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Công ty TNHH một thành viên và Công ty cổ phần có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum làm đại diện chủ sở hữu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3279/TTr-STC ngày 12 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Công ty TNHH một thành viên và Công ty cổ phần có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum làm đại diện chủ sở hữu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2017.

Điều 3. Giám đốc Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch và Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên; Người đại diện phần vốn nhà nước tại các Công ty cổ phần do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum làm đại diện chủ sở hữu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hòa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Công ty TNHH một thành viên và Công ty cổ phần có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum làm đại diện chủ sở hữu
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Công ty TNHH một thành viên và Công ty cổ phần có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum làm đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước (*viết tắt là Nghị định số 87/2015/NĐ-CP*) và Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước (*viết tắt là Thông tư số 200/2015/TT-BTC*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và nắm giữ 100% vốn điều lệ (*viết tắt là DNNN*).
2. Người đại diện phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần có vốn nhà nước do UBND tỉnh làm đại diện chủ sở hữu (*viết tắt là Người đại diện phần vốn nhà nước*).
3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được giao nhiệm vụ tại Quy chế này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Kon Tum thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật về xổ số. Trường hợp quy định của pháp luật về xổ số khác quy định tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về xổ số.

Chương II

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Mục 1

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 3. Kế hoạch tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Trình tự lập, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn và hằng năm của DNNN thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (*viết tắt là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP*).

2. Kế hoạch tài chính

a) Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực và nhu cầu thị trường, DNNN xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Chủ tịch công ty phê duyệt;

b) Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch công ty quyết định, DNNN thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

c) Kế hoạch tài chính được lập theo biểu mẫu quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chính thức bằng văn bản để DNNN hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở để Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giám sát, đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của DNNN.

Điều 4. Kế hoạch giám sát tài chính đối với các DNNN

Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, Sở Tài chính lập kế hoạch giám sát tài chính (*bao gồm kế hoạch thanh tra, kiểm tra về tài chính đối với các DNNN*). Kế hoạch giám sát phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, đối tượng, phạm vi giám sát đối với mỗi DNNN. Kế hoạch giám sát tài chính phải được lấy ý kiến của Thanh tra tỉnh Kon Tum trước ngày 31/12 của năm trước để hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố trước ngày 31 tháng 01 hằng năm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Mục 2 **GIÁM SÁT TÀI CHÍNH**

Điều 5. Giám sát tài chính đối với DNNN

1. Chủ thể giám sát

a) Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện giám sát tài chính đối với các DNNN;

b) Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại, tổng hợp kết quả giám sát tài chính đối với DNNN.

2. Nội dung giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP

3. Căn cứ thực hiện giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

4. Phương thức giám sát tài chính

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

5. Chế độ báo cáo

a) Các DNNN lập báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (*Báo cáo đánh giá tình hình tài chính*) như sau:

- Nội dung báo cáo: DNNN lập báo cáo đánh giá tình hình tài chính theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC; đồng thời lập báo cáo theo các Biểu số: 02.A, 02.B, 02.C, 02.D và 02.Đ ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

- Thời hạn nộp báo cáo: DNNN nộp báo cáo đánh giá tình hình tài chính về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hằng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo đối với báo cáo năm;

b) Căn cứ báo cáo đánh giá tình hình tài chính của DNNN nêu tại điểm a khoản 5 Điều 5 Quy định này và các tài liệu khác có liên quan, Sở Tài chính kiểm tra, lập các báo cáo sau:

- Báo cáo giám sát tài chính: Báo cáo giám sát tài chính được lập cho từng DNNN theo các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này và khoản 3 Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC. Trong đó, phải đánh giá thực trạng tài chính doanh nghiệp theo các mức độ: an toàn về tài chính, có dấu hiệu mất an toàn về tài chính; các kiến nghị đối với từng DNNN.

- Báo cáo kết quả giám sát tài chính: Trên cơ sở báo cáo giám sát tài chính của từng DNNN, Sở Tài chính tổng hợp và lập báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các DNNN; đồng thời lập Báo cáo theo Biểu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để gửi cho Bộ Tài chính kèm theo Báo cáo giám sát tài chính của từng doanh nghiệp.

- Thời hạn nộp báo cáo (*gồm báo cáo kết quả giám sát tài chính, báo cáo giám sát tài chính của từng DNNN*): Trước ngày 31 tháng 8 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Điều 6. Giám sát tài chính đối với các công ty con, công ty liên kết

1. Chủ thể giám sát

a) Công ty mẹ thực hiện giám sát tài chính đối với các công ty con, công ty liên kết;

b) Sở Tài chính thực hiện giám sát gián tiếp đối với các công ty con, công ty liên kết quan trọng của doanh nghiệp thông qua công ty mẹ.

2. Đối tượng giám sát

a) Đối tượng do công ty mẹ thực hiện giám sát theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quy định này bao gồm toàn bộ các công ty con, công ty liên kết của công ty mẹ;

b) Đối tượng do Sở Tài chính thực hiện giám sát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Quy định này bao gồm:

- Công ty con của công ty mẹ;

- Công ty liên kết quan trọng của công ty mẹ. Việc xác định công ty liên kết quan trọng do công ty mẹ lựa chọn theo một trong các tiêu chí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, báo cáo danh sách cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.

3. Nội dung giám sát

a) Đối với công ty con

- Công ty mẹ thực hiện giám sát công ty con trên cơ sở tham khảo các nội dung giám sát quy định tại Điều 9 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

- Sở Tài chính phối hợp với công ty mẹ thực hiện giám sát tài chính công ty con theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 9 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP;

b) Đối với công ty liên kết

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

4. Phương thức giám sát

a) Sở Tài chính thực hiện giám sát gián tiếp công ty con, công ty liên kết quan trọng của công ty mẹ;

b) Công ty mẹ thực hiện giám sát tài chính các công ty con, công ty liên kết bằng phương thức giám sát trực tiếp, gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau, trong đó tập trung vào việc giám sát gián tiếp;

c) Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thực hiện hình thức giám sát trực tiếp tại công ty mẹ hoặc công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5. Tổ chức giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

6. Chế độ báo cáo

a) Công ty mẹ có trách nhiệm xây dựng các biểu mẫu để thực hiện giám sát tài chính các công ty con, công ty liên kết theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này này;

b) Công ty mẹ lập báo cáo tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết quan trọng theo Biểu số 02.B ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 10

tháng 07 hằng năm đối với báo cáo 6 tháng và ngày 30 tháng 04 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Điều 7. Giám sát vốn của DNNN đầu tư ra nước ngoài

1. Chủ thể giám sát

a) Công ty mẹ thực hiện giám sát hoạt động đầu tư ra nước ngoài của công ty mẹ, công ty con, công ty do công ty mẹ và công ty con góp vốn (*thành lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2010*);

b) Sở Tài chính giúp Ủy ban nhân dân tỉnh giám sát các dự án đầu tư ra nước ngoài có vốn của DNNN, công ty con của DNNN thông qua công ty mẹ.

2. Đối tượng giám sát

Đối tượng giám sát là toàn bộ các dự án đầu tư ra nước ngoài của DNNN, bao gồm các dự án của công ty mẹ, công ty con, và dự án do công ty mẹ và công ty con góp vốn thành lập.

3. Nội dung giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

4. Phương thức giám sát

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

5. Chế độ báo cáo

Công ty mẹ có trách nhiệm:

a) Thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP đối với việc giám sát hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

b) Xây dựng Quy chế hoạt động và quản lý sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp tại nước ngoài; xây dựng chỉ tiêu giám sát kết quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài;

c) Lập báo cáo theo Biểu số 04.A và 04.B ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 07 hằng năm đối với báo cáo 6 tháng và ngày 30 tháng 04 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Mục 3

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐẶC BIỆT

Điều 8. Các dấu hiệu mất an toàn tài chính của DNNN

Trường hợp DNNN có một trong những dấu hiệu mất an toàn tài chính được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp để quyết định đưa DNNN vào diện giám sát tài chính đặc biệt hay tiếp tục thực hiện giám sát tài chính theo quy định.

Điều 9. Quyết định giám sát tài chính đặc biệt

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan thống nhất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giám sát tài chính đặc biệt đối với DNNN.

2. Quyết định giám sát chính đặc biệt bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Điều 10. Trách nhiệm của Chủ tịch công ty và Giám đốc DNNN thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt

1. Chủ tịch công ty và Giám đốc DNNN thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt có trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều 27 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính theo biểu mẫu như đối với các DNNN khác được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

2. Thời hạn báo cáo: Đối với báo cáo tháng gửi trước ngày 05 của tháng tiếp theo, báo cáo quý gửi trước ngày 15 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo và báo cáo năm gửi trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 11. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của DNNN và kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp

1. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của DNNN được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Điều 12 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

2. Chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Điều 13 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

Điều 12. Căn cứ đánh giá hiệu quả và xếp loại DNNN

Việc đánh giá hiệu quả và xếp loại DNNN được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và căn cứ vào các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại DNNN hằng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao cho từng DNNN.

Điều 13. Phương thức đánh giá hiệu quả và kết quả xếp loại DNNN

1. Phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động và kết quả xếp loại DNNN được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh và các cơ quan liên quan khác giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc đánh giá hiệu quả hoạt động và kết quả xếp loại DNNN hằng năm.

3. Các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm đánh giá tình hình thực hiện pháp luật hàng năm của DNNN đối với lĩnh vực mình quản lý.

4. Về đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý DNNN

Căn cứ kết quả giám sát, kết quả xếp loại DNNN và quy định pháp luật về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại công ty TNHH một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc đánh giá hiệu quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và Điều 13 và khoản 3 Điều 14 Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Sở Tài chính để tổng hợp trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo.

Điều 14. Báo cáo đánh giá và xếp loại DNNN

1. DNNN căn cứ tiêu chí đánh giá, phân loại DNNN và Người quản lý doanh nghiệp nêu tại Điều 11 và Điều 12 Quy chế này tự đánh giá và xếp loại doanh nghiệp hằng năm, lập và gửi báo cáo theo Biểu số 05.A và 05.B ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC cho Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 04 năm tiếp theo để thẩm định.

2. Sở Tài chính lập Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại DNNN, tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích được giao của các DNNN trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính lấy ý kiến trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại DNNN và công bố kết quả xếp loại DNNN trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

4. Đối với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán nhưng tổ chức kiểm toán độc lập có ý kiến ngoại trừ một số vấn đề làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh thì DNNN có trách nhiệm giải trình cụ thể trong Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại của DNNN gửi Sở Tài chính.

Chương III **GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN** **CÓ VỐN NHÀ NƯỚC**

Điều 15. Chủ thể giám sát

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng giám sát thông qua Người đại diện phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu (*viết tắt là công ty cổ phần có vốn nhà nước*).

2. Sở Tài chính là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo giám sát đối với các công ty cổ phần có vốn nhà nước.

Điều 16. Nội dung giám sát

1. Đối với công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

2. Đối với công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC.

Điều 17. Phương thức giám sát

1. Đối với công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Việc giám sát tài chính thực hiện gián tiếp thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh do Người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về

quản lý tài chính doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Người đại diện phần vốn nhà nước yêu cầu Ban Kiểm soát doanh nghiệp thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của công ty cổ phần có vốn nhà nước.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ:

Việc giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện gián tiếp thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần có vốn nhà nước.

Điều 18. Chế độ báo cáo giám sát tài chính

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

Định kỳ 6 tháng và hằng năm, Người đại diện phần vốn nhà nước lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 7 hằng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 30 tháng 04 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ:

Hằng năm, Người đại diện phần vốn nhà nước lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 04 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

3. Căn cứ báo cáo giám sát tài chính của Người đại diện phần vốn nhà nước nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Quy chế này, Sở Tài chính lập báo cáo kết quả giám sát tài chính của từng công ty cổ phần có vốn nhà nước; tổng hợp, lập báo cáo tổng hợp kết quả giám sát tài chính của các công ty cổ phần có vốn nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

Chương IV CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Điều 19. Công khai thông tin tài chính của DNNN

1. Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện công khai thông tin tài chính phải đảm bảo các mục đích và yêu cầu được quy định tại Điều 38 Nghị định số

87/2015/NĐ-CP.

2. Công khai thông tin tài chính theo định kỳ

a) Nội dung công khai được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP;

b) Phương thức công khai được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

3. Công khai thông tin tài chính bất thường

Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện công khai thông tin tài chính bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 20. Công khai thông tin tài chính của công ty cổ phần có vốn nhà nước

Các công ty cổ phần có vốn nhà nước thực hiện công khai thông tin tài chính theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Chủ tịch Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành để xây dựng và thực hiện Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với công ty con và công ty liên kết.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần có vốn nhà nước có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện nghiêm túc đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này.

b) Thực hiện các biện pháp giám sát chặt chẽ, nghiêm túc, nhằm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, kịp thời phát hiện các vấn đề có khả năng gây ảnh hưởng đến tình hình tài chính và vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính để xem xét xử lý.

4. Những nội dung chưa quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành.

5. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài chính tỉnh*) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hòa